TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁT XÁT** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/HS-ST
Ngày 15 - 11 -2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT - TỈNH LÀO CAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Dong

2. Ông Hoàng Xuân Phú

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 55/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phàn A T** - Sinh ngày 14/11/2001 tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phàn A H và bà Phàn Thị T; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định số 53a/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bản Vược đã Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với Phàn A T thời hạn 06 tháng, ngày 21/10/2017 Phàn A T đã chấp hành xong. Tính đến ngày phạm tội bị cáo đã được xóa tiền sự; Tại bản án số 30/2018/HS-ST ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bát Xát đã xử phạt Phàn A T 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Phàn A T đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/02/2019. Phàn A T bị xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự khi chưa đủ 18 tuổi nên bị cáo được coi là không có án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/9/2019, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Bát Xát. "Có mặt".

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:*

+ Anh Phàn A H

Nơi cư trú: Thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai "Có mặt"

+ Chị Phàn Thị T

Nơi cư trú: Thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai "Vắng mặt"

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Phạm Thị Thương - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai "Có mặt"

- *Bị hại:*

+ Anh Phàn A Đ

Nơi cư trú: Thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai "Vắng mặt"

+ Chị Phàn Thị H

Nơi cư trú: Thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai "Vắng mặt"

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Anh Đỗ Trung C

Nơi cư trú: Thôn K, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai "Vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 29/9/2019, Phàn A T đang ở nhà tại Thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai thì thấy gia đình anh Phàn A Đ - Sinh năm 1978, trú tại thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai không có ai ở nhà nên Phàn A T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Phàn A T đi bộ đến nhà anh Phàn A Đ rồi đi vòng qua cửa bếp, thò tay vào giữa khe cửa và gạt chốt cửa bếp đi vào bên trong, Phàn A T đi đến cửa ngách giữa gian bếp và nhà chính dùng tay phải bám vào cạnh cửa bếp giật mạnh khiến chốt cửa bung ra. Phàn A T đi vào trong phòng ngủ và nhìn thấy 01 chiếc ví làm bằng thổ cẩm của người dân tộc Dao treo trên giá để quần áo, bên trong có 3.950.000 đồng (Ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Phàn A T cầm lấy toàn bộ số tiền trên cho vào túi quần đang mặc rồi đi về. Sau đó, Phàn A T đi xe ôm của một người đàn ông không quen biết xuống chợ xã Bản Vược và trả cho người đàn ông này số tiền 70.000 đồng (Bảy mươi nghìn đồng). Phàn A T đi chợ xã Bản Vược mua một chiếc ví giả da với giá 110.000 đồng (Một trăm mười nghìn đồng), sau đó Phàn A T đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại của anh Đỗ Trung C - Sinh năm 1989, trú tại thôn Km 0, xã Bản Vược, huyện Bát Xát mua 01 điện thoại di động Iphone 6, 01 sim Vinaphone, 01 thẻ cào mệnh giá 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) và tiêu xài cá nhân hết tổng số tiền 3.070.000 đồng (Ba triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng). Đến 19 giờ 10 phút ngày 29/9/2019, Công an xã Bản Vược đã triệu tập Phàn A T lên làm việc, Phàn A T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bát Xát đã thu giữ của Phàn A T 01 điện thoại di động Iphone 6 màu đen bạc, đã qua sử dụng; 01 ví giả da màu nâu và số tiền 880.000 đồng (Tám trăm tám mươi nghìn đồng); Thu giữ của anh Đỗ Trung C số tiền 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Cáo trạng số 54/CT-VKS ngày 28/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát truy tố bị cáo Phàn A T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phàn A T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phàn A T về tội danh theo bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 3 Điều 54; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Phàn A T phạm tội "Trộm cắp tài sản", xử phạt bị cáo với mức án từ 05 tháng đến 07 tháng tù. Không phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp gồm số tiền 3.630.000 đồng và 01 chiếc ví giả da màu nâu tương đương với số tiền 110.000 đồng, còn lại số tiền 210.000 đồng bị cáo Phàn A T đã tiêu xài trong tổng số tiền 3.950.000 đồng trộm cắp được, bị hại có ý kiến cho bị cáo số tiền này và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đề nghị xem xét.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà người bào chữa cho bị cáo Phàn A T trình bày: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát truy tố bị cáo Phàn A T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo Phàn A T là người dân tộc thiểu số, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi do đó trình độ nhận thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng mức án 05 tháng tù. Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo không có tài sản riêng vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bát Xát, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ

luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Phàn A T: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tang vật thu giữ. Phàn A T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu biết xã hội và pháp luật, nhận thức được trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vào ngày 29/9/2019 Phàn A T đã trộm cắp của anh Phàn A Đ số tiền 3.950.000 đồng (Ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Phàn A T phạm tội "Trộm cắp tài sản", Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát đã truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo Phàn A T có nhân thân xấu: Tại Quyết định số 53a/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bản Vược đã Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với Phàn A T thời hạn 06 tháng, ngày 21/10/2019 Phàn A T đã chấp hành xong, tính đến ngày phạm tội bị cáo Phàn A T đã được xóa tiền sự; Tại bản án số 30/2018/HS-ST ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bát Xát đã xử phạt Phàn A T 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Phàn A T đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/02/2019. Phàn A T bị xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự khi chưa đủ 18 tuổi nên bị cáo được coi là không có án tích. Từ những phân tích ở trên cho thấy Phàn A T là người coi thường pháp luật, bị cáo đã không tu trí, rèn luyện bản thân để trở thành người có ích cho xã hội, chỉ vì lười lao động, muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần phải xét xử một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 29/9/2019 bị cáo Phàn A T chưa đủ 18 tuổi, khi phạm tội bị cáo mới được 17 tuổi 10 tháng 15 ngày, xét thấy bị cáo còn đang trong độ tuổi chưa thành niên, khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế do đó khi xét xử đối với bị cáo cần áp dụng quy định tại Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự để xem xét và quyết định hình phạt đối với bị cáo Phàn A T.

Đối với anh Đỗ Trung C là người bán cho bị cáo Phàn A T 01 chiếc điện thoại Iphone 6, 01 sim Vinaphone và 01 thẻ cào mệnh giá 100.000 đồng cho Phàn A T với tổng số tiền là 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Quá trình điều tra đã chứng minh làm rõ anh Đỗ Trung C không biết số tiền trên do Phàn A T trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý hình sự là phù hợp.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Số tiền bị cáo Phàn A T trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho bị hại. Đối với số tiền 210.000 đồng bị cáo Phàn A

T đã tiêu xài trong tổng số tiền 3.950.000 đồng trộm cắp được, bị hại có ý kiến cho bị cáo số tiền này và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Xét thấy bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phàn A T đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, vì vậy cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phàn A T phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, số tiền bị cáo trộm cắp không lớn và bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo là phù hợp.

Xét thấy mức hình phạt đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và Người bào chữa cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật, cần được xem xét chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, bị cáo là người lao động tự do, không có việc làm ổn định, tại thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp gồm 3.630.000 đồng và 01 ví giả da màu nâu, bị hại xin được nhận chiếc ví trên và đồng ý chiếc ví có giá trị tương đương với số tiền 110.000 đồng. Đối với số tiền tiền 210.000 đồng còn lại bị cáo Phàn A T đã tiêu xài trong tổng số tiền 3.950.000 đồng trộm cắp được, bị hại có ý kiến cho bị cáo số tiền này và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Trung C đã nhận lại 01 chiếc điện thoại Iphone 6 màu đen bạc, 01 sim Vinaphone, ngoài ra không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6 màu đen bạc, đã qua sử dụng; 01 thẻ sim điện thoại Vinaphone, số thuê bao 0914557454; 01 ví giả da màu nâu, số tiền 880.000 đồng thu giữ của bị cáo Phàn A T và số tiền 2.750.000 đồng thu giữ của anh Đỗ Trung C, ngày 16/10/2019 Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Phàn A Đ số tiền 3.630.000 đồng, 01 ví giả da màu nâu và trả lại cho anh Đỗ Trung C 01 điện thoại di động Iphone 6 màu đen bạc, đã qua sử dụng; 01 thẻ sim điện thoại Vinaphone, số thuê bao 0914557454 là đúng quy định của pháp luật.

[8] Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Phàn A T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo Phàn A T 05 (Năm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2019.

2. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Phàn A T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Cơ quan THAHS CA huyện;
- Bị cáo; Bị hại; NCQLNVLQ;
-Người bào chữa; Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Lưu

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thu Trang